

Bản án số: 416/2024/HS-ST
Ngày: 13-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thái Hòa
- Ông Trần Công Danh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 343/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 688/2024/HSST-QĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Dương Thị Bảo Y, sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký NKTT: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú: 5 T, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Đức H (đã chết) và bà Huỳnh Thị P; Bị cáo có chồng là Chhon P1, sinh năm 1982, có 01 con sinh ngày 24/8/2023.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt)

- **Bị hại:**

- Ông **Phan Hoàng Thái D**, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bà **Trương Kiều Anh T**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ A, ấp D, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

4. Ông **Nguyễn Văn Út E**, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, từ năm 2019 Dương Thị Bảo Y thành lập Công ty TNHH T2” có trụ sở tại số: 1 P, phường T, thành phố B để nhận tiền của những người có nhu cầu làm Visa đi các nước như: Úc, Đài Loan rồi chiếm đoạt. Mặc dù Công ty T2” do Y làm Giám đốc không được cấp phép và không có chức năng làm dịch vụ xin Visa đi nước ngoài nhưng để tạo lòng tin đối với những người có nhu cầu làm Visa đi nước ngoài thì Y sử dụng số điện thoại "0933142162" và tài khoản Facebook cá nhân tên “Andrena D1” tham gia vào các hội, nhóm sinh viên, kiều bào ở Úc, Đài Loan, Hàn Quốc trên mạng xã hội và tự đăng các bài viết với nội dung gian dối là Công ty T2” được cấp phép làm thủ tục Visa và hợp thức hóa hồ sơ để đưa người có nhu cầu sang Úc, Đài Loan, Hàn Quốc làm việc và du lịch. Do tin tưởng thông tin do Y đưa ra là thật nên nhiều người đã gửi hồ sơ cho Y để làm Visa đi các nước: Úc, Đài Loan nhưng sau khi nhận tiền đặt cọc Y không thực hiện các thủ tục làm Visa như thỏa thuận mà chiếm đoạt tiền để tiêu xài cá nhân và bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã xác định từ năm 2019 đến năm 2020 Dương Thị Bảo Y đã chiếm đoạt tiền của 04 người là ông Phan Hoàng Thái D, bà Trương Kiều Anh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn Út E, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 14/02/2020, sau khi tìm hiểu và trao đổi qua Facebook thì ông Phan Hoàng Thái D và vợ là bà Trương Kiều Anh T, ngụ tại ấp V, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến Công ty T2” gặp Y để đăng ký làm V đi Úc. Tại đây, Y đã tư vấn, hứa hẹn sẽ làm các giấy tờ xin V đi Úc và thông báo giá để làm Visa cho ông D là 14.000 USD (Mười bốn nghìn đô la Mỹ) và bà T là 3.000 USD (Ba nghìn đô la Mỹ) thì ông D và bà T đồng ý. Ông D và bà T giao cho Y hộ chiếu (bản chính), giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (photo) và ông D ký hợp đồng đặt cọc cho Y là 1.000 USD (Một nghìn đô la Mỹ) còn bà T ký hợp đồng đặt cọc cho Y 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng). Đến ngày 20/02/2020, ông D tiếp tục đặt cọc thêm cho Y 4.000 USD (Bốn nghìn đô la Mỹ). Sau khi nhận tiền Y đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết.

- Lần 02: Ngày 11/6/2020, bà Nguyễn Thị Mỹ L, ngụ tại tổ A, ấp D, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước đến Công ty T2” gặp Y để đăng ký làm Visa đi làm việc tại Đài Loan. Y đã tư vấn, hứa hẹn sẽ làm các giấy tờ xin Visa đi Đài Loan cho bà L với giá 6.000 USD (Sáu nghìn đô la Mỹ) thì bà L đồng ý. Sau đó, bà L giao cho Y hộ chiếu rồi ký hợp đồng đặt cọc và chuyển 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm

triệu đồng) vào tài khoản cá nhân của Y số 10033777019011 mở tại Ngân hàng T3. Sau khi nhận tiền Y đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết.

- Lần 03: Vào tháng 6/2020 (không rõ ngày) ông Nguyễn Văn Út E, ngụ tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long liên lạc qua điện thoại với Y để nhờ Y làm thủ tục xin Visa đi làm việc tại Đài Loan. Y đã tư vấn, hứa hẹn sẽ làm các giấy tờ xin Visa đi Đài Loan cho ông Út E với giá 6.000 USD (Sáu nghìn đô la Mỹ) thì ông Út E đồng ý. Ngày 24/6/2020, ông Út E hẹn gặp Y tại 01 quán cà phê không rõ địa chỉ trên đường T thuộc khu vực thành phố Hồ Chí Minh để ký hợp đồng đặt cọc và đưa cho Y 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng). Sau khi nhận tiền Y đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi chuyển tiền đặt cọc cho Y nhưng không thấy Y làm thủ tục xin Visa như thỏa thuận và không liên lạc được với Y nên ông Phan Hoàng Thái D, bà Trương Kiều Anh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn Út E đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ trình báo. Qua xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý. Ngày 31/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Dương Thị Bảo Y để điều tra, xử lý.

- Vật chứng vụ án thu giữ

+ 01 hợp đồng đặt cọc do ông Phan Hoàng Thái D giao nộp.

+ 01 hợp đồng đặt cọc do bà Trương Kiều Anh T giao nộp.

+ 01 bản photo hợp đồng đặt cọc do ông Nguyễn Văn Ú Em giao nộp.

+ 01 bản photo hợp đồng đặt cọc do bà Nguyễn Thị Mỹ L giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 562/KL-HĐĐGTS ngày 23/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “1000 USD trị giá 23.315.000đ (Hai mươi ba triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng), 4000 USD trị giá 93.256.000đ (Chín mươi ba triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng)”.

Về trách nhiệm dân sự:

- Dương Thị Bảo Y đã bồi thường cho ông Phan Hoàng Thái D và bà Trương Kiều Anh T tổng cộng 63.000.000 đồng. Ông D và bà T yêu cầu Y tiếp tục bồi thường 87.571.000 đồng.

- Dương Thị Bảo Y đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn Ú Em 2.000.000 đồng, ông Út E yêu cầu Y tiếp tục bồi thường 44.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu Dương Thị Bảo Y bồi thường 45.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 345/CT-VKSBH ngày 07/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Dương Thị Bảo Y về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm

a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Thị Bảo Y từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Dương Thị Bảo Y phải bồi thường cho ông Phan Hoàng Thái D và bà Trương Kiều Anh T số tiền 87.571.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Văn Ú Em số tiền 44.000.000 đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 45.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo biết việc làm của bị cáo là sai trái, bị cáo đã biết lỗi của mình mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo còn có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của bị hại, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù không được cơ quan chức năng cấp phép và không có khả năng làm dịch vụ xin Visa đi nước ngoài nhưng từ ngày 14/02/2020 đến ngày 24/6/2020, Dương Thị Bảo Y đã nhiều lần đưa thông tin gian dối để hứa hẹn và nhận tiền làm thủ tục xin Visa của 04 người rồi chiếm đoạt tiền để sử dụng tiêu xài cá nhân, cụ thể: Từ ngày 14/02/2020 đến 20/02/2020, Y chiếm đoạt của ông Phan Hoàng Thái D 5000 USD (Năm nghìn đô la Mỹ) trị giá 116.571.000 đồng và bà Trương Kiều Anh T (là vợ ông D) 34.000.000 đồng; Ngày 11/6/2020, Y chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Mỹ L 45.000.000 đồng; Ngày 24/6/2020, Y chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Ú Em 46.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Dương Thị Bảo Y đã chiếm đoạt là 241.571.000 đồng. Đến ngày 31/8/2023, Dương Thị Bảo Y bị khởi tố để điều tra, xử lý.

[2.1] Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và hiện đang nuôi con nhỏ nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 hợp đồng đặt cọc do ông Phan Hoàng Thái D giao nộp; 01 hợp đồng đặt cọc do bà Trương Kiều Anh T giao nộp; 01 bản photo hợp đồng đặt cọc do ông Nguyễn Văn Ú Em giao nộp; 01 bản photo hợp đồng đặt cọc do bà Nguyễn Thị Mỹ L giao nộp là vật chứng của vụ án nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Ông Phan Hoàng Thái D và bà Trương Kiều Anh T yêu cầu bị cáo Y tiếp tục bồi thường số tiền 87.571.000 đồng.

[6.2] Ông Nguyễn Văn Ú Em yêu cầu bị cáo Y tiếp tục bồi thường số tiền 44.000.000 đồng.

[6.3] Bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu bị cáo Y bồi thường số tiền 45.000.000 đồng.

[6.4] Tại phiên tòa bị cáo Dương Thị Bảo Y cũng đồng ý bồi thường cho các bị hại theo yêu cầu của các bị hại. Do đó buộc bị cáo Y có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại như sau: Bồi thường cho ông Phan Hoàng Thái D và bà Trương Kiều Anh T số tiền 87.571.000 đồng; Bồi thường cho ông Nguyễn Văn Ú Em số tiền 44.000.000 đồng; Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 45.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về tội danh, hình phạt, về trách nhiệm dân sự và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Dương Thị Bảo Y phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Dương Thị Bảo Y 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị bắt đi thi hành án.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Dương Thị Bảo Y có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại như sau:

+ Bồi thường cho ông Phan Hoàng Thái D và bà Trương Kiều A Thư số tiền 87.571.000 đồng (T1 mười bảy triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng)

+ Bồi thường cho ông Nguyễn Văn Ú Em số tiền 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng)

+ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Phan Hoàng Thái D và bà Trương Kiều Anh T, ông Nguyễn Văn Út E, bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án đối với các số tiền nêu trên, nếu bị cáo chậm thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Dương Thị Bảo Y phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.829.000 đồng (Tám triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại ông Phan Hoàng Thái D và bà Trương Kiều Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại ông Nguyễn Văn Út E, bà Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến

